

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**; Địa chỉ trụ sở: 117 Q, thành phố V, tỉnh N.  
Người đại diện theo pháp luật: **Bà Thái H**; Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Duy N**.

- Bị đơn: 1. **Ông Đào T**, sinh năm: 1959;

2. **Bà Đào Thị N**, sinh năm: 1960; Cùng ĐKKHKT và nơi ở: Số 8, đường C, quận B, thành phố H.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

a. Ông Đào T và bà Đào Thị N xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 43005 ngày 12/02/2014 với Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh H theo với nội dung như sau: Số tiền vay: 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu). Thời hạn vay: 48 tháng (Tính từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên). Ngày giải ngân: 12/02/2014 theo khế ước nhận nợ số 43005.1 ký cùng ngày. Lãi suất cho vay (Trong hạn) ban đầu: 13%/năm; Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Bên B

nhận tiền vay lần đầu; Sau 03 tháng đầu, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần (Trong suốt thời gian vay) theo mức lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh Lãi suất gia hạn bằng 120% lãi suất trong hạn; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mức phạt chậm trả bằng 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả. Trả nợ gốc: Trả thành nhiều kỳ (01 tháng/kỳ), mỗi kỳ trả 11.000.000 đồng. Trả nợ lãi: hàng tháng từ ngày 25 đến ngày cuối cùng trong tháng. Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô NISSAN NAVARAXE theo hợp đồng mua bán số NTL/BH/012 ngày 16/01/2014 giữa ông Đào T và Công ty TNHH ô tô Nisan.

Ông Đào T và Đào Thị N xác nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2023 là: 995.606.213 đồng (chín trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm linh sáu nghìn hai trăm mười ba đồng chẵn). Trong đó: Nợ gốc: 425.202.115 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 570.404.098 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 43005 ngày 12/02/2014.

b. Phương án trả nợ cụ thể như sau:

Chậm nhất đến ngày 20/5/2023, ông Đào T và bà Đào Thị N trả toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/4/2023 là: 995.606.213 đồng trong đó: Nợ gốc: 425.202.115 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 570.404.098 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 43005 ngày 12/02/2014.

Kể từ ngày 27/4/2023, ông Đào T và bà Đào Thị N phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận trong theo Hợp đồng tín dụng số 43005 ngày 12/02/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp ông Đào T và bà Đào Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô thuộc sở hữu của vợ chồng ông Đào T và bà Đào Thị N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 155657 do Phòng Cảnh sát giao thông Đường sắt – Đường bộ cấp ngày 07/02/2014; Nhân hiệu: NISSAN; Loại xe: Tải pickup cabin kép; Màu sơn: Xám, Năm sản xuất: 2013; Số khung: MNTVCUD40Z 0606986; Số máy: YD 25532119T; Biển số: 29C-287.xx.

Khi phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ, nếu thừa thì phải trả lại cho ông Đào T và bà Đào Thị N, nếu thiếu thì ông Đào T và bà Đào Thị N tiếp tục phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền còn thiếu.

- Về án phí: Ông Đào T và bà Đào Thị N tự nguyện chịu cả 20.934.093 (Hai mươi triệu chín trăm ba mươi tư nghìn không trăm chín mươi ba) án phí hòa giải thành dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền 20.850.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007688 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Đinh Ngọc Liên**